TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUẬN CHÂU** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 08/7/2024
V/v: Ly hôn, nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN CHÂU, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lường Tiến Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lò Văn Quốc.

2. Bà Lý Thị Vinh.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lan Phượng -Thư ký Toà án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Bạc Cầm Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 08/7/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 118/2024/TLST- HNGĐ ngày 29/3/2024 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2024/QĐXXST-HNGĐ giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lò Thị B**; Sinh năm: 1993; Địa chỉ: Bản P, xã M, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh **Lò Văn H**; Sinh năm: 1990; Địa chỉ: Bản P, xã M, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 28/3/2024 và bản tự khai tại Toà án nhân dân huyện Thuận Châu. Nguyên đơn chị Lò Thị B trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Lò Văn H kết hôn với nhau từ ngày 21/5/2012 tại UBND xã M, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La kết hôn do cả hai bên cùng tự nguyện, không bên nào bị cưỡng ép, lừa dối. Sau khi kết hôn chị và anh H chung sống hoà thuận hạnh phúc với nhau thì đến tháng 9 năm 2019 phát sinh mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng bị rạn nứt. Nguyên nhân chính phát sinh mâu thuẫn là do khác biệt quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn trầm trọng, không tìm được tiếng nói chung, nay đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Chị B nhận thấy cuộc hôn nhân này không còn hạnh phúc nên đã viết đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu giải quyết cho chị được ly hôn anh Lò Văn H.

- Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Trong thời gian chung sống có 02 con chung: Cháu Lò Thị N, sinh ngày 30/10/2010 và cháu Lò Văn H, sinh ngày 27/4/2012. Chị đề nghị là người được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lò Thị N. Anh Lò Văn H là người được trực tiếp trông

nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lò Văn H. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Không có.

*** Tại bản tự khai bị đơn anh Lò Văn H trình bày:**

Về hôn nhân: Quá trình kết hôn giữa anh và chị Cà Thị Quý như lời khai của chị B là đúng. Anh không còn tình cảm nữa nhất trí ly hôn.

Về con chung: Trong thời gian chung sống anh, chị có 02 con chung đúng như chị B khai. Anh đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 cháu. Yêu cầu chị Lò Thị B phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung cháu Lò Thị N và cháu Lò Văn H mỗi tháng mỗi cháu là 600.000 đồng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ khi Tòa án xét xử xong.

-*Về tài sản chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản riêng:* Không có.

- *Về nợ chung:* Không có.

- *Về nợ riêng:* Không có.

Ngày 22/4/2024 Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La ra Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ, yêu cầu anh Lò Văn H cung cấp chứng cứ, chứng minh về nơi ở, công việc, thu nhập chứng minh điều kiện khả năng nuôi con chung. Tuy nhiên anh H đã không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ nêu trên.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ chị B không cung cấp thêm chứng cứ cho Tòa án và không yêu cầu triệu tập đương sự khác, người làm chứng, người tham gia tố tụng. Nguyên đơn chị B đề nghị không tiến hành hòa giải và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Kể từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến trước khi ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Thụ lý đúng thẩm quyền tại Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự , xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đầy đủ tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ đầy đủ đúng quy định. Đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, gửi kịp thời các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng theo quy định tại các Điều 97, Điều 195, Điều 196, Điều 198, Điều 203, Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa đã thực hiện theo đúng quy định tại Điều 51, Điều 237 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Chị Lò Thị B, anh Lò Văn H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt là đảm bảo, đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 177, khoản 1Điều 227, khoản 1Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Đề nghị:

- *Về hôn nhân:* Xử cho chị Lò Thị B được ly hôn với anh Lò Văn H.

- *Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung:* Giao cháu Lò Thị N, sinh ngày 30/10/2010 cho chị Lò Thị B là người được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Giao cháu Lò Văn H, sinh ngày 27/4/2012 cho anh Lò Văn H là người được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về án phí:* Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định cho chị Lò Thị B.

** Những yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm:* Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- ***Về thẩm quyền giải quyết:*** Xét yêu cầu giải quyết việc ly hôn của nguyên đơn chị Lò Thị B thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, bị đơn có nơi cư trú tại huyện Thuận Châu nên Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La thụ lý giải quyết là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- ***Về sự vắng mặt của đương sự:*** Chị Lò Thị B, anh Lò Văn H đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt là đảm bảo, đúng quy định pháp luật.

[2]. Về hôn nhân: Chị Lò Thị B và anh Lò Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La kết hôn do cả hai bên cùng tự nguyện, không bên nào bị cưỡng ép, lừa dối đúng theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị B và anh H là hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống hôn nhân rơi vào bế tắc. Từ tháng 9 năm 2019 cho đến nay anh chị đã sống ly thân, mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai.

Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh, chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị B có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh H và giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh H, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị B ly hôn với anh H.

[3]. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Trong thời gian chung sống anh, chị có 02 con chung Lò Thị N, sinh ngày 30/10/2010 và cháu Lò Văn H, sinh ngày 27/4/2012. Chị đề nghị là người được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lò Thị N. Anh Lò Văn H là người được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lò Văn H. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của các con, đảm bảo quyền lợi của các con chưa thành niên, xem xét chị B, anh H đều có điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con hàng ngày. Tại biên bản ghi ý kiến cháu Lò Thị N có nguyện vọng muốn ở với chị B. Tại biên bản ghi ý kiến cháu Lò Văn H có nguyện vọng muốn ở với anh H. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho các cháu như ăn mặc, học hành, những điều kiện cho sự phát triển về thể chất và tinh thần, tâm sinh lý nhất là cháu Lò Thị N cần giao cháu cho chị B được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Giao cháu Lò Văn H cho anh H là người được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung là có căn cứ cần được chấp nhận, hợp tình, hợp lý, sau khi ly hôn chị B, anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó căn cứ Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4].Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về tài sản riêng: Không có.

[6]. Về nợ chung: Không có.

[7]. Về án phí: Chị Lò Thị B là người dân tộc thiểu số sinh sống ở khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản

lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lò Thị B.

[8]. Về quyền kháng cáo : Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 177, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Lò Thị B được ly hôn với anh Lò Văn H.

2. Về con chung: Xử giao cháu Lò Thị N, sinh ngày 30/10/2010 cho chị Lò Thị B là người được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Xử giao cháu Lò Văn H, sinh ngày 27/4/2012 cho anh Lò Văn H là người được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lò Thị B, anh Lò Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lò Thị B.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lò Thị B, anh Lò Văn H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Thuận Châu(02 bản);
- Chi cục THADS huyện Thuận Châu;
- UBND xã M, huyện Thuận Châu;
- Các đương sự.
- Lưu án văn;
- Lưu:Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lường Tiến Hải